

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam biến động giằng co và đóng cửa ở mức tăng điểm nhẹ

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL tăng nhẹ khi tình hình Covid-19 ở Việt Nam vẫn đang trong tầm kiểm soát

## [Thông tin doanh nghiệp]

VIC, VCS

## [Cập nhật công ty]

CTG

## [Quan điểm đầu tư]

Tiếp tục duy trì vị thế trung hạn và có thể kết hợp mua bán trading 1 phần vị thế ngắn hạn.

23/02/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,177.64	+0.22
VN30	1,182.47	+0.16
HĐTL VN30F1M	1,186.40	+1.13
HNXIndex	238.78	+0.34
HNX30	363.15	+2.83
UPCoM	76.47	-0.13
USD/VND	23,026	+0.05
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.27	+2
Lãi suất qua đêm (%)	0.38	-14
Dầu (WTI, \$)	62.17	+1.11
Vàng (LME, \$)	1,806.27	-0.19



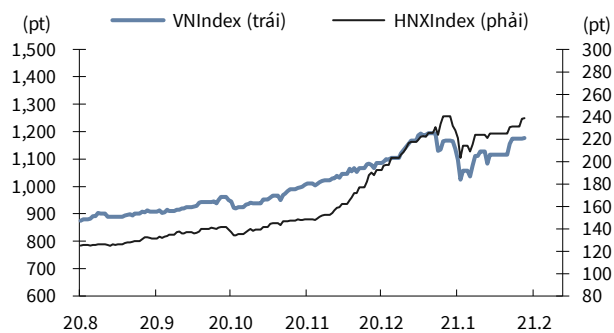
# Điểm nhấn thị trường

<b>VNIndex</b>	<b>1,177.64 (+0.22%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>571.7 (+5.4%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>669.8 (+0.8%)</b>
<b>HNXIndex</b>	<b>238.78 (+0.34%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>124.7 (+16.9%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>89.2 (+17.9%)</b>
<b>UPCoM</b>	<b>76.47 (-0.13%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>42.3 (+9.6%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>26.5 (+3.2%)</b>

**NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -31.6**

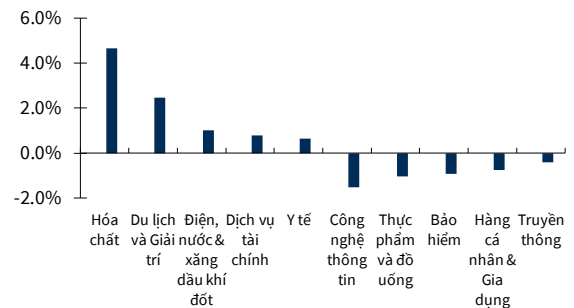
TTCK Việt Nam biến động giằng co và đóng cửa ở mức tăng điểm nhẹ trong bối cảnh tình hình dịch trong nước được kiểm soát và nhà đầu tư lác quan chờ đợi thông tin về gói cứu trợ Covid-19 trị giá 1,900 tỷ USD của Chính phủ Mỹ. Báo cáo mới đây của JP Morgan đánh giá các ngân hàng Việt Nam có tốc độ tăng trưởng và ROE cao nhất trong khu vực Asean giúp cổ phiếu nhóm ngân hàng tăng giá ở TCB (+3.1%), MBB (+2.6%), STB (+1.1%). Giá cổ phiếu ngành dầu khí tăng giá PVS (+4.1%), PVD (+1.7%) sau khi giá dầu tiếp tục tăng mạnh do các nhà sản xuất tại Mỹ dừng khai thác 2 – 4 triệu thùng dầu/ngày bởi thời tiết lạnh tại Texas cùng các bang khác. Thông tin Hà Nội xem xét nới lỏng giãn cách do dịch bệnh cơ bản được kiểm soát giúp cổ phiếu hàng không tăng giá ở HVN (+4%), VJC (+1.8%). Khối ngoại tiếp tục bán ròng tại VNM (-0.5%), CTG (+0.1%), HPG (-0.2%).

## VNIndex & HNXIndex



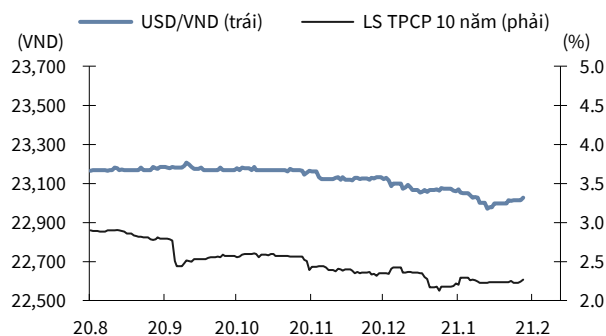
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

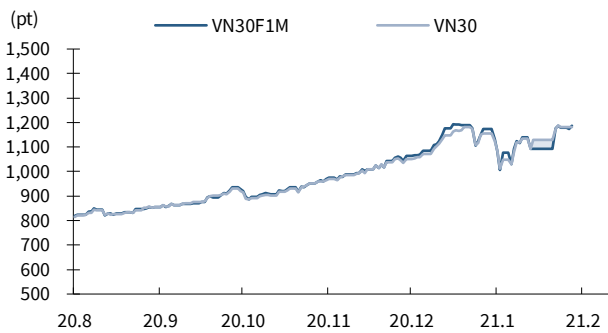
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,182.47 (+0.16%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,186.4 (+1.13%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,178.1</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,197.9</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,176.2</b>

HĐTL tăng nhẹ khi tình hình Covid-19 ở Việt Nam vẫn đang trong tầm kiểm soát cùng với thông tin Việt Nam sẽ tiến tới tiêm miễn phí vaccine cho người dân. Chênh lệch F2103 và VN30 mở cửa ở mức -1.45 và giao động quanh ngưỡng 0 và 6.5, đóng cửa ở 3.93. NĐTNN bán ròng trong phiên hôm nay. Thanh khoản có sự cải thiện.

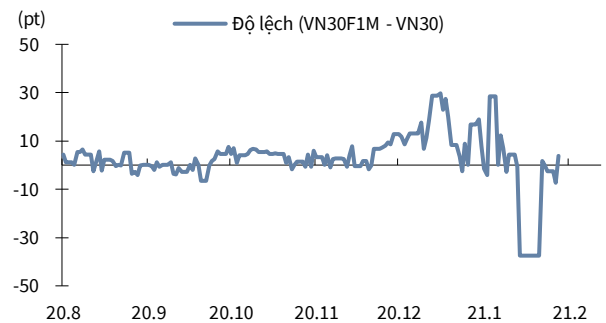
**KLGD (HĐ)**      **214,998 (+16.8%)**

## HĐTL VN30F1M & VN30



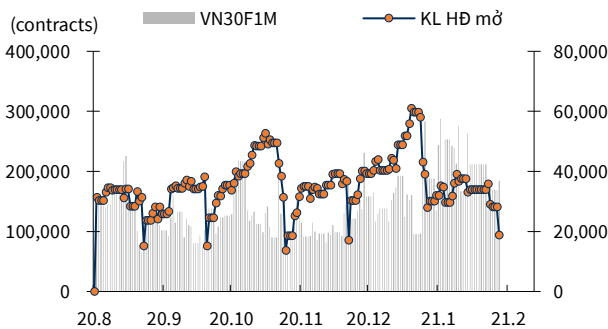
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



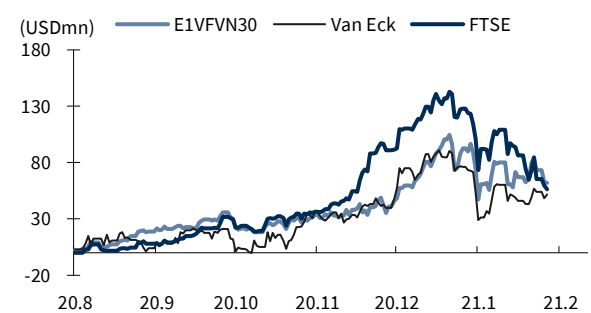
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

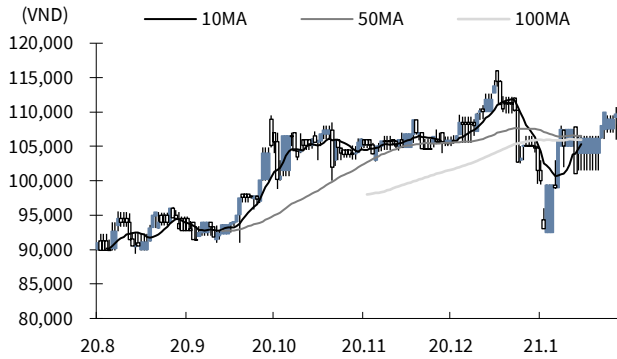
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## Vingroup (VIC)

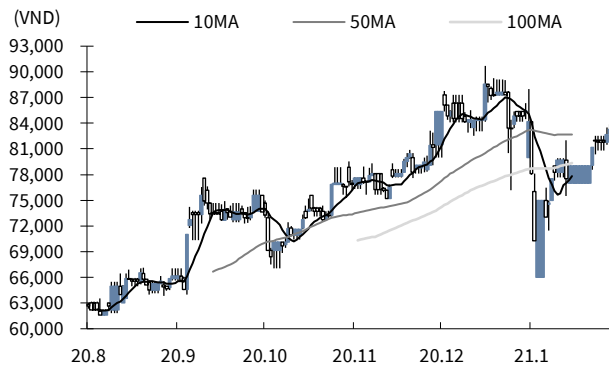


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VIC tăng 0.3% lên 110,000 VNĐ/cp.

- Theo Korea Times, thương vụ bán các nhà máy sản xuất điện thoại thông minh tại Việt Nam và Brazil giữa VIC và LG thất bại do VIC đưa ra mức giá thấp hơn mong muốn từ LG Electronic. LG sẽ tìm kiếm bên mua mới và không còn thương lượng với VIC.

## Vicostone (VCS)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VCS tăng 0.7% lên 83,300 VNĐ/cp.

- VCS công bố quyết định HĐQT phê duyệt kế hoạch kinh doanh 2021 với lợi nhuận trước thuế đạt 1,919 tỷ đồng (+15% YoY) và doanh thu 6,797 tỷ đồng (+20% YoY).  
- Trước đó, doanh nghiệp được chấp thuận phương án chuyển đăng ký niêm yết từ sàn HNX sang HoSE, chia 4.8 triệu cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu.

23/02/2021

Chuyên viên phân tích  
Nguyễn Anh Tùng  
tungna@kbsec.com.vn

**Năm 2020, LNST của CTG đạt 13,741 tỷ VND, tăng 45.0% YoY**

Nhờ kết quả 4Q2020 khởi sắc, lũy kế cả năm 2020, thu nhập lãi thuần đạt 35,581 tỷ VND, tăng 7.2% YoY; Thu nhập ngoài lãi đạt 9,699 tỷ VND, tăng 32.5% YoY, LNST đạt 13,741 tỷ VND, tăng 45.0% YoY.

**Bancassurance sẽ là động lực tăng trưởng Non-NII trong các năm tới**

Ngày 14/12/2020, CTG kí thỏa thuận hợp tác độc quyền phân phối bảo hiểm với đối tác Manulife trong thời hạn 16 năm. KBSV kì vọng mảng Bancassurance sẽ có đóng góp đáng kể vào tăng trưởng Non-NII 2021 với phí trả trước (upfront fee) và phí giao dịch hàng năm.

**Kế hoạch duy trì tỷ lệ nợ xấu dưới 2% khả thi**

CTG sẽ hoàn thành kế hoạch duy trì tỷ lệ nợ xấu trong năm 2021 dưới 2%, trích lập dự phòng vẫn ở mức cao tuy nhiên sẽ không có đột biến nhờ tệp khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch ít và dự thảo sửa đổi thông tư 01 theo hướng có lợi cho các ngân hàng.

**Triển vọng tăng vốn trong giai đoạn 2021-2025 sẽ là động lực tăng trưởng trong dài hạn**

Triển vọng phát hành mới tăng vốn điều lệ và VCSH trong giai đoạn 2021 – 2025 sẽ là phương án tốt nhất để CTG cải thiện hệ số CAR, qua đó tăng hạn mức tăng trưởng tín dụng, mở rộng các lĩnh vực, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

**Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 42,900 VND/cp**

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro

## Mua

Giá mục tiêu	VND 42,900
Tăng/Giảm	15.9%
Giá hiện tại (22/02/2021)	VND 37,000
Giá mục tiêu thị trường	VND 35,100
Vốn Hóa thị trường (Nghìn tỷ)	137.8

### Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2019A	2020E	2021F	2022F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	33,199	35,581	38,112	42,892
LN thuần trước CF DPRRTD (tỷ VND)	24,785	29,219	31,754	35,175
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất (tỷ VND)	9,477	13,741	14,841	17,151
EPS (VNĐ)	2,541	3,674	3,079	3,559
Tăng trưởng EPS (%)	79%	45%	-16%	16%
PER (x)	12.6	8.7	11.3	9.8
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)			20,780	24,338
PBR (x)			1.68	1.43
ROE (%)	13.1%	16.9%	16.0%	15.9%

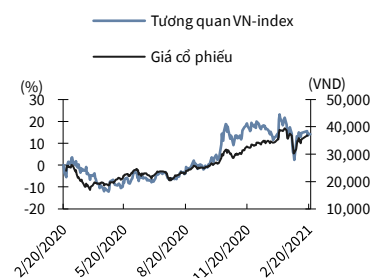
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	15.81
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	321/13.9
Sở hữu nước ngoài (%)	28.73
Cơ cấu cổ đông	Ngân hàng nhà nước (64.46%)

### Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
CTG	-4.1	14.1	54.4	53.8
VN-INDEX	-1.4	18.2	31.1	30.1



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

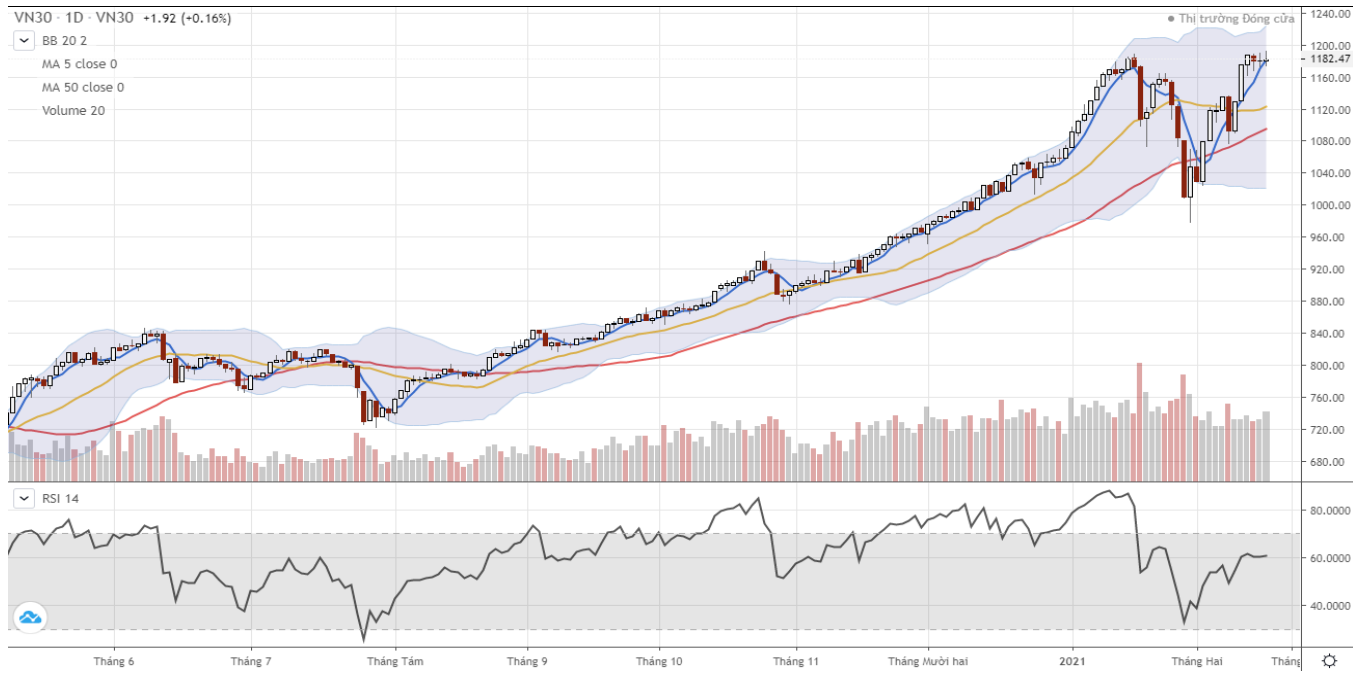
### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



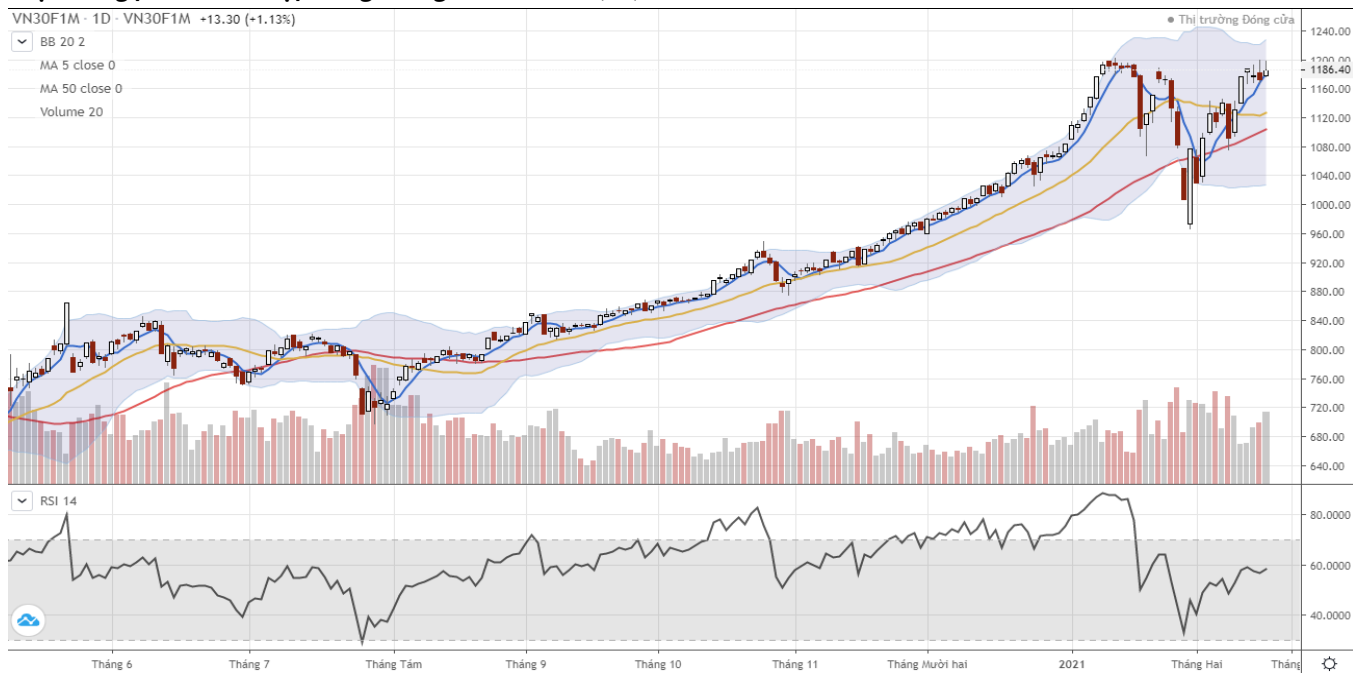
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex tiếp tục diễn biến giằng co và hình thành thêm mẫu nến spinning trung tính.
- Trạng thái thị trường vẫn không nhiều thay đổi khi lực cản tại vùng kháng cự gần quanh 1180 đang gây áp lực điều chỉnh cho chỉ số mặc dù xu hướng tăng chủ đạo vẫn đang được giữ vững.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục duy trì vị thế trung hạn và có thể kết hợp mua bán trading 1 phần vị thế ngắn hạn.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

**Kháng cự xa:** 1202 - 1207

**Kháng cự gần:** 1191 - 1193

**Hỗ trợ gần:** 1181 - 1184

**Hỗ trợ xa:** 1169 - 1174

— F1 diễn biến hồi phục nhưng với các nhịp rung lắc khá mạnh gối đầu liên tiếp.

— Vùng kháng cự quanh 1200 tiếp tục gây áp lực điều chỉnh cho chỉ số. Mặc dù vậy, chúng tôi cho rằng xu hướng tăng chủ đạo vẫn đang được bảo lưu.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế LONG tại các nhịp điều chỉnh về quanh hỗ trợ.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ vị thế LONG đã mở.

*Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.*

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

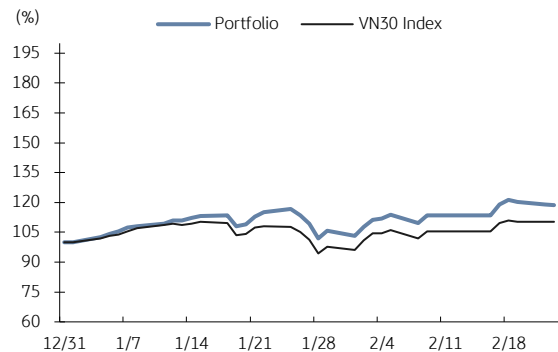
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên		
Tăng lũy kế (YTD)		

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 23/02/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	136,200	-0.6%	17.5%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	36,100	0.4%	47.6%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	83,500	-1.9%	8.9%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	27,400	2.6%	61.2%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	56,400	-1.1%	65.9%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	75,500	-1.7%	125.5%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	37,050	0.1%	51.8%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	89,400	1.4%	21.8%	- Hướng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	43,300	-0.2%	121.6%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbanc City Development (KBC)	09/03/2020	40,000	-2.2%	192.0%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hướng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
MBB	2.6%	23.2%	35.2
VJC	1.9%	19.0%	32.0
VHM	-0.5%	22.4%	22.5
VRE	0.7%	31.1%	21.8
GMD	-1.2%	38.4%	14.9

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	-0.5%	57.8%	-106.4
CTG	0.1%	28.5%	-77.3
HPG	-0.2%	30.9%	-69.4
HSG	-0.2%	10.2%	-61.1
VND	0.7%	21.7%	-46.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
S99	9.8%	0.5%	0.9
PVB	2.1%	0.5%	0.7
IDJ	1.2%	3.2%	0.6
ART	4.2%	4.3%	0.5
SZB	0.0%	5.9%	0.4

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HUT	-2.2%	3.5%	-2.3
PVS	4.2%	10.1%	-1.5
TIG	9.6%	14.2%	-0.9
CSC	-3.6%	2.4%	-0.9
DNP	9.8%	0.4%	-0.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	18.1%	GVR, DGC
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	7.8%	GAS, POW
Dầu khí	7.7%	PLX, PVD
Bất động sản	5.9%	VHM, VIC
Ngân hàng	5.9%	TCB, BID

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.3%	TLG, TCM
Bảo hiểm	1.4%	PGI, BMI
Công nghệ thông tin	1.7%	ST8, ICT
Thực phẩm và đồ uống	2.2%	VNM, SMB
Truyền thông	2.7%	YEG, PNC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Công nghệ thông tin	17.7%	FPT, SGT
Bán lẻ	12.6%	MWG, DGW
Hàng cá nhân & Gia dụng	9.0%	PNJ, GIL
Bất động sản	7.8%	VHM, VIC
Xây dựng và Vật Liệu	7.6%	VG, VCG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	-6.6%	BVH, BMI
Truyền thông	-5.6%	YEG, YEG
Dịch vụ tài chính	-5.0%	FIT, VCI
Hóa chất	-4.1%	GVR, PHR
Thực phẩm và đồ uống	-1.7%	VNM, SMB

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	110,000	372,067 (16,159)	157,284 (6.8)	22.5	45.2	31.8	11.1	8.5	11.0	3.5	3.2	0.3	3.6	4.8	1.7
	VHM	VINHOMES JSC	105,300	346,386 (15,043)	306,083 (13.3)	26.6	11.2	9.2	37.1	30.8	28.8	3.1	2.4	-0.5	8.8	6.0	17.7
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,400	78,168 (3,395)	203,196 (8.8)	17.9	25.2	18.9	-7.6	10.2	12.3	2.5	2.4	0.7	9.0	-6.8	9.6
	NVL	NO VA LAND INVES	80,800	85,967 (3,733)	235,334 (10.2)	31.4	19.9	17.9	6.4	12.1	11.5	2.6	2.2	0.0	2.3	2.3	23.8
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	33,500	18,720 (813)	46,336 (2.0)	11.9	15.2	10.2	17.7	15.1	19.4	2.1	1.8	-1.2	5.0	-1.3	14.3
	DXG	DAT XANH GROUP	24,750	12,828 (557)	195,067 (8.5)	14.0	10.4	9.2	-	19.0	18.4	1.7	1.4	-0.6	7.8	23.8	55.2
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	100,000	370,888 (16,107)	141,859 (6.2)	6.3	18.0	14.6	17.8	20.5	21.3	3.2	2.7	-0.6	2.9	-2.9	2.1
	BID	BANK FOR INVESTM	44,000	176,969 (7,686)	75,003 (3.3)	12.7	18.1	11.6	4.9	12.7	16.5	2.0	1.8	0.6	7.8	-2.8	-8.1
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	39,800	139,495 (6,058)	646,997 (28.1)	0.0	9.9	8.6	14.4	17.6	17.0	1.6	1.3	3.1	10.6	9.6	26.3
	CTG	VIETNAM JS COMM	37,050	137,952 (5,991)	352,749 (15.3)	1.5	10.3	8.2	61.0	15.3	16.0	1.4	1.2	0.1	4.7	-1.5	7.2
	VPB	VIETNAM PROSPERI	40,500	99,417 (4,318)	252,172 (11.0)	0.0	8.7	7.4	18.8	19.3	19.0	1.6	1.3	-1.1	5.2	11.0	24.6
	MBB	MILITARY COMMERC	27,400	76,686 (3,330)	478,698 (20.8)	0.0	7.6	6.3	14.6	19.4	20.6	1.4	1.1	2.6	10.7	7.0	20.2
	HDB	HDBANK	25,950	41,358 (1,796)	97,478 (4.2)	4.0	7.7	6.7	23.4	19.0	18.5	1.4	1.1	0.6	7.7	-0.6	9.3
	STB	SACOMBANK	18,800	33,909 (1,473)	458,436 (19.9)	14.0	13.0	7.8	32.4	9.1	13.5	1.1	1.0	1.1	3.6	-5.8	11.2
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,950	28,835 (1,252)	59,443 (2.6)	0.0	8.7	7.0	37.5	18.4	19.0	1.5	1.2	0.2	4.1	0.9	4.3
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,300	22,499 (977)	16,421 (0.7)	0.2	30.1	23.8	27.3	4.4	5.3	1.3	1.3	0.0	2.8	10.7	-4.9	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	60,500	44,911 (1,950)	50,176 (2.2)	21.0	28.8	25.1	15.2	8.1	8.6	2.1	2.0	-1.0	1.0	-6.5	-8.3
	BMI	BAOMINH INSURANC	26,900	2,457 (107)	9,810 (0.4)	14.2	-	-	8.4	-	-	-	-	-1.5	5.5	-7.1	-12.1
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	33,600	20,127 (874)	433,194 (18.8)	55.9	17.3	15.3	0.0	11.6	12.0	-	-	2.3	5.8	-0.4	1.5
	VCI	VIET CAPITAL SEC	55,000	9,108 (396)	64,523 (2.8)	72.0	11.8	-	-4.0	17.9	-	-	-	0.0	4.0	-9.8	-5.5
	HCM	HO CHI MINH CITY	29,600	9,029 (392)	138,619 (6.0)	52.7	17.0	-	-19.0	12.1	-	-	-	1.0	5.0	-	-
	VND	VNDIRECT SECURIT	27,550	5,745 (249)	120,607 (5.2)	27.3	-	-	36.7	11.2	-	-	-	0.7	1.7	-1.4	-8.2
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	107,000	223,625 (9,712)	318,074 (13.8)	42.3	19.6	18.2	4.0	37.5	37.0	6.6	5.7	-0.5	-0.9	-1.6	-1.7
	SAB	SAIGON BEER ALCO	186,000	119,278 (5,180)	39,424 (1.7)	36.9	22.5	19.5	7.3	25.4	26.3	5.1	4.7	-2.1	3.2	-4.1	-4.6
	MSN	MASAN GROUP CORP	92,700	108,893 (4,729)	182,204 (7.9)	16.5	41.9	27.2	-51.9	11.4	18.4	3.9	4.1	-2.0	4.5	-0.6	4.3
	HNG	HOANG ANH GIA LA	11,750	13,026 (566)	73,964 (3.2)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-2.9	5.4	17.8	-19.2
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	134,000	70,194 (3,048)	87,512 (3.8)	11.0	45.4	21.4	-88.3	14.1	18.3	4.3	3.7	1.8	3.9	0.1	7.2
	GMD	GEMADEPT CORP	33,000	9,945 (432)	94,901 (4.1)	10.6	22.1	16.6	-57.3	7.5	9.5	1.6	1.5	-1.2	7.8	2.8	1.2
	CII	HO CHI MINH CITY	22,000	5,254 (228)	54,222 (2.4)	38.3	10.9	7.3	78.0	8.9	12.0	0.9	0.9	-0.9	3.0	-5.2	2.8
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,540	2,009 (87)	104,701 (4.5)	46.2	-	-	-89.3	-	-	-	-	-0.8	1.1	17.3	39.9
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	21,450	10,338 (449)	107,293 (4.7)	37.5	12.4	7.7	-13.8	12.4	17.5	-	-	-1.2	5.9	-4.0	-4.7
	CTD	COTECCONS CONSTR	76,100	5,653 (246)	68,785 (3.0)	3.6	10.7	10.8	-43.9	6.4	6.5	0.7	0.7	0.4	10.3	-4.8	-2.1
	REE	REE	56,400	17,430 (757)	55,228 (2.4)	0.0	10.2	9.1	-4.5	14.2	13.7	1.4	1.3	-1.1	-1.1	4.3	15.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	89,400	171,107 (7,431)	102,271 (4.4)	46.2	17.2	16.3	-18.6	19.8	20.5	3.4	3.4	1.4	10.0	3.2	3.2
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,950	6,607 (287)	16,405 (0.7)	31.6	15.2	9.2	-10.5	10.5	17.2	-	-	0.0	1.5	-3.8	-6.7
	PPC	PHA LAI THERMAL	27,900	8,945 (388)	11,510 (0.5)	34.1	12.1	11.7	-5.3	11.2	12.4	1.5	1.4	4.1	8.1	0.7	14.1
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	43,300	143,465 (6,231)	1,132,335 (49.2)	18.1	9.4	8.2	25.2	23.0	22.3	2.1	1.6	-0.2	3.6	-0.8	4.5
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,250	6,751 (293)	35,720 (1.6)	36.5	10.2	11.9	0.2	8.9	7.7	0.8	0.8	-0.6	8.2	10.2	-8.2
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	40,617 (1.8)	46.6	16.8	15.8	-4.3	7.8	8.2	1.2	1.1	-1.1	9.2	-4.5	-2.5
	HSG	HOA SEN GROUP	25,700	11,418 (496)	252,380 (11.0)	38.8	9.3	8.0	67.9	17.1	16.1	1.5	1.3	-0.2	7.1	-3.0	16.0
	AAA	AN PHÁT BIOPLAST	14,250	3,160 (137)	38,098 (1.7)	97.2	8.7	8.4	21.9	10.8	11.0	0.8	0.8	-1.0	9.6	-1.4	-1.0
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,800	69,229 (3,007)	62,065 (2.7)	4.7	21.4	17.4	-49.7	15.9	17.2	3.0	2.9	-0.7	7.2	4.6	4.0
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,700	9,981 (433)	263,194 (11.4)	40.0	53.5	26.3	-11.9	1.2	2.7	0.7	0.7	1.7	11.8	11.3	46.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,650	5,712 (248)	115,105 (5.0)	36.1	10.8	10.0	-0.1	10.4	10.3	1.0	0.9	0.9	7.6	-9.9	26.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	136,200	63,486 (2,757)	226,832 (9.8)	0.0	12.6	9.9	13.7	28.0	28.5	3.1	2.6	-0.6	5.2	7.1	14.6
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	83,500	18,985 (825)	62,176 (2.7)	0.0	15.5	12.3	7.0	22.9	24.4	3.2	2.5	-1.9	-0.1	-0.6	3.1
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,750	1,275 (055)	2,503 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-0.5	2.9	-2.5	-11.6
	FRT	FPT DIGITAL RETA	29,050	2,294 (100)	43,103 (1.9)	30.3	18.1	13.7	-75.2	9.2	13.4	1.8	1.7	-1.0	10.5	11.2	-9.2
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	62,000	8,401 (365)	58,941 (2.6)	34.6	8.3	20.0	41.1	32.4	12.7	2.5	2.6	0.0	7.3	-5.9	-1.6
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	101,900	13,323 (579)	1,447 (0.1)	45.4	17.4	16.7	10.7	21.2	20.5	3.4	3.1	1.4	0.9	-2.6	-2.0
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,000	6,001 (261)	198 (0.0)	11.7	-	-	1.7	-	-	-	-	0.0	5.3	8.8	4.6
IT	FPT	FPT CORP	75,500	59,185 (2,570)	226,957 (9.9)	0.0	15.1	12.4	15.5	25.6	26.8	3.2	2.9	-1.7	1.2	12.9	27.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

---

**Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình**

binhnx@kbsec.com.vn

### **Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường**

**Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh**

anhhd@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh**

trinhhtt@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng**

tungla@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh**

anhhttp@kbsec.com.vn

### **Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)**

**Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu**

hieudd@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng**

tungna@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga**

ngaphb@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu**

hieunn@kbsec.com.vn

### **Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)**

**Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim**

harrison.kim@kbf.com

**Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung**

dungdpp@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh**

danhnt@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

### LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.